

Số: 1536/QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 25 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch số 48/KH-STTTT ngày 16 tháng 6 năm 2021 của Sở Thông tin và Truyền thông về việc triển khai lắp đặt hệ thống camera giám sát tại các cơ sở cách ly tập trung

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Công điện số 597/CD-BCĐ ngày 05 tháng 5 năm 2021 của Ban Chỉ đạo Quốc gia phòng, chống dịch Covid-19 về việc thực hiện nghiêm các quy định về cách ly tập trung và quản lý sau khi cách ly tập trung phòng chống dịch Covid-19;

Căn cứ Công văn số 1407/BTTTT-CVT ngày 06 tháng 5 năm 2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc phối hợp chỉ đạo thực hiện Công điện số 597/CD-BCĐ liên quan đến hệ thống camera giám sát tại các cơ sở cách ly tập trung để phòng, chống Covid-19;

Căn cứ Công văn số 4403/CV-BCĐ ngày 30 tháng 5 năm 2021 của Ban Chỉ đạo Quốc gia phòng, chống dịch Covid-19 về việc triển khai lắp đặt hệ thống camera giám sát tại các cơ sở cách ly tập trung;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 67/TTr-STTTT ngày 24 tháng 6 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch số 48/KH-STTTT ngày 16 tháng 6 năm 2021 của Sở Thông tin và Truyền thông về việc triển khai lắp đặt hệ thống camera giám sát tại các cơ sở cách ly tập trung; kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách tỉnh phục vụ phòng, chống dịch Covid-19; hình thức thực hiện đấu thầu theo quy định của Luật Đấu thầu (kèm theo Kế hoạch số 48/KH-STTTT ngày 16 tháng 6 năm 2021 của Sở Thông tin và Truyền thông).



Điều 2. Giao Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương có liên quan tổ chức thực hiện Kế hoạch phê duyệt tại Quyết định này.

Giao Sở Tài chính cân đối, bố trí kinh phí và hướng dẫn Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện Kế hoạch trên theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 của QĐ;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- LĐVP, P.KGVX, P.KT;
- Lưu: VT, ltram.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Lưu Trung



Số 48 /KH-STTTT

Kiên Giang, ngày 16 tháng 6 năm 2021

KẾ HOẠCH

Triển khai lắp đặt hệ thống camera giám sát tại các cơ sở cách ly tập trung

Căn cứ Công văn số 1407/BTTTT-CVT ngày 06/5/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc phối hợp chỉ đạo thực hiện công điện số 597/CD-BCĐ liên quan đến hệ thống camera giám sát tại các cơ sở cách ly tập trung để phòng, chống Covid-19;

Căn cứ Công điện số 4403/CV-BCĐ ngày 30/5/2021 về việc triển khai lắp đặt hệ thống camera giám sát tại các cơ sở cách ly tập trung;

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nguyễn Lưu Trung tại Công văn số 3807/VP-KGVX ngày 03/6/2021 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai lắp đặt hệ thống camera giám sát tại các cơ sở cách ly tập trung theo chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Quốc gia phòng, chống Covid-19.

Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng Kế hoạch triển khai lắp đặt hệ thống camera giám sát tại các cơ sở cách ly tập trung trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, với các nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH VÀ YÊU CẦU

1. Mục đích

Khảo sát, triển khai lắp đặt camera giám sát tại các cơ sở cách ly tập trung phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang và kết nối về hệ thống quản lý tập trung do Bộ Thông tin và Truyền thông quản lý theo đúng tinh thần chỉ đạo của Chính phủ, Ban Chỉ đạo Quốc gia phòng, chống COVID-19 và Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Yêu cầu

Đối với việc lắp đặt các camera giám sát tại cơ sở cách ly tập trung phải đảm bảo quan sát được toàn bộ các khu vực công cộng mà người được cách ly và người thực hiện nhiệm vụ trong cơ sở cách ly.

Các camera giám sát tại cơ sở cách ly tập trung phải đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật (hình ảnh, âm thanh), đường truyền để kết nối với hệ thống quản lý tập trung theo đúng hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông, đồng thời đảm bảo hoạt động thường xuyên, liên tục, thông suốt 24/24.

Dữ liệu, hình ảnh lưu trữ của các camera giám sát tại cơ sở cách ly tập trung



phải đảm bảo an toàn thông tin, đảm bảo tối thiểu các cấp độ an toàn cho hệ thống thông tin theo quy định của pháp luật. Phải phân quyền quản lý, vận hành hệ thống camera giám sát tại các cơ sở cách ly tập trung; phân quyền truy cập hệ thống kết nối tập trung các camera giám sát.

II. HIỆN TRẠNG

Hiện nay trên địa bàn 15 huyện, thành phố có 54 khu cách ly tập trung để phòng, chống dịch Covid-19; trong đó có 05 khu cách ly được trang bị hệ thống camera giám sát gồm huyện Hòn Đất, Kiên Lương và thành phố Rạch Giá, Hà Tiên. Tổng số camera giám sát tại 05 khu cách ly này là 50 chiếc; trong đó có 05 camera không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về kết nối gồm: Trạm Y tế phường Vĩnh Lợi - TP. Rạch Giá (03 camera); Khu nhà văn hóa phường Mỹ Đức - TP. Hà Tiên (02 camera).

Tình hình thực hiện việc kết nối, truyền tính hiệu hình ảnh theo tinh thần của Công văn số 1407/BTTTT-CVT, đến nay, có 45/45 camera kết nối thành công về hệ thống quản lý hình ảnh - VMS (Video Management System) tại điểm cầu của Tập đoàn VNPT sẵn sàng kết nối với hệ thống giám sát tập trung toàn quốc. Đối với 45 camera giám sát kết nối thành công với hệ thống giám sát tập trung tại 03 cơ sở cách ly tập trung gồm: Trung tâm Y tế huyện Hòn Đất (06 camera), Trung tâm Y tế huyện Kiên Lương (07 camera), Trung tâm Y tế thành phố Hà Tiên (32 camera).

Các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh cần trang bị hệ thống camera giám sát gồm: An Biên (02 cơ sở), An Minh (01 cơ sở), Châu Thành (14 cơ sở), Giang Thành (01 cơ sở), Giồng Riềng (01 cơ sở), Gò Quao (02 cơ sở), Kiên Hải (06 cơ sở), Kiên Lương (02 cơ sở), Tân Hiệp (02 cơ sở), U Minh Thượng (02 cơ sở), Vĩnh Thuận (09 cơ sở), Rạch Giá (03 cơ sở), Phú Quốc (03 cơ sở) và Hà Tiên (06 cơ sở).

III. NỘI DUNG

Trên cơ sở báo cáo kết quả của Tổ khảo sát tại các khu cách ly tập trung trên địa bàn tỉnh, hệ thống camera giám sát tại cơ sở cách ly tập trung tỉnh Kiên Giang phải đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật:

- Hệ thống camera giám sát phải đảm bảo hoạt động an toàn liên tục 24/24; đảm bảo thi công lắp đặt ở các vị trí thuận tiện nhất cho việc quan sát.
- Chọn độ phân giải camera đảm bảo hình ảnh rõ nét cho việc triết xuất camera khi cần thiết và có tính năng trang bị hồng ngoại để giám sát ban đêm.
- Hệ thống đầu ghi và dung lượng lưu trữ phải đảm bảo lưu trữ dữ liệu hình ảnh ít nhất 15 ngày.

Với những yêu cầu, tính năng của hệ thống camera giám sát tại các khu cách ly tập trung của tỉnh, đề xuất lựa chọn thiết bị phải bảo đảm tính kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống hạ tầng kỹ thuật, cụ thể như sau:

1. Các yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa/thiết bị	Thông số kỹ thuật
1	Camera lắp ngoài trời	<p>Độ phân giải/Tốc độ khung hình tối đa: 2MP/30fps; Định dạng nén: H.265, H.264, MJPEG; Truy cập tối đa: 6 (Unicast); Lens: 3.2~10mm (3.1x) V/F (F1.6); Góc nhìn: H:101.6° / V:54.1° / D: 120.6° (Wide); Tầm xa IR: 30m (98.43ft); Nguồn: Tối đa 6.5W (PoE); Tiêu chuẩn môi trường: IP66, IK10</p> <p>Các tính năng bổ trợ: Hiệu chỉnh ống kính, nhìn hành lang; Kích thước: Ø 137.8 x 106.1 mm</p> <p>Lưu trữ mở rộng: SD/SDHC/SDXC, Local PC</p>
2	Camera lắp trong nhà	<p>Độ phân giải/Tốc độ khung hình tối đa: 2MP/30fps; Định dạng nén: H.265, H.264, MJPEG; Lens: 4mm/6mm cố định (F2.0); Góc nhìn: H:51°/V:29° /D: 58°; Tầm xa IR: 30m (98.43ft); Tiêu chuẩn môi trường: IP66, IK10; Nguồn: Tối đa 6.5W (PoE); Các tính năng bổ trợ: Hiệu chỉnh ống kính, nhìn hành lang; Kích thước: Ø 120.3 x 91.7 mm</p> <p>Quay/Quét/Xoay: 0~350°/0~67°/0~355°</p> <p>Lưu trữ mở rộng: SD/SDHC/SDXC, Local PC</p>
3	Đầu tư ghi 16 kênh	<p>Số kênh tối đa: 16; Băng thông ghi hình/Truyền tối đa (MBPS):100/100; Độ phân giải tối đa: 5MP; Codec: H.265/H.264/MJPEG; HDD: 2 SATA (Max.12TB); Số cổng POE: 16 Poe; Tổng số nguồn POE: 130W(220V); Màn hình : HDMI (2MP); Hiệu suất giải mã hình ảnh: 1ch@8MP; Tìm kiếm thông minh: Có; Kết nối nhanh P2P: Có</p>
4	Đầu ghi 8 kênh	<p>Số kênh tối đa: 8; Băng thông ghi hình/Truyền tối đa (MBPS):50/30; Độ phân giải tối đa: 5MP; Codec: H.265/H.264/MJPEG; HDD: 1 SATA (Max.6TB); Số cổng POE: 8 Poe; Tổng số nguồn POE: 65W; Màn hình : HDMI (2MP); Hiệu suất giải mã hình ảnh: 1ch@8MP; Tìm kiếm thông minh: Có; Kết nối nhanh P2P: Có</p>
5	Đầu ghi 4 kênh	<p>Số kênh tối đa: 4; Băng thông ghi hình/Truyền tối đa (MBPS):30/20; Độ phân giải tối đa: 5MP; Codec: H.265/H.264/MJPEG; HDD: 1 SATA (Max.6TB); Số cổng POE: 4 Poe; Tổng số nguồn POE: 35W; Màn hình : HDMI (2MP); Hiệu suất giải mã hình ảnh: 1ch@8MP; Tìm kiếm thông minh: Có; Kết nối nhanh P2P: Có</p>

minh: Có; Kết nối nhanh P2P: Có

2. Bảng tổng hợp danh mục thiết bị

Stt	Tên hàng hóa, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng
I	Chi phí thiết bị		
1	Camera quan sát ngoài trời	cái	156
2	Camera quan sát trong nhà	cái	217
3	Đầu ghi hình		
3.1	Đầu ghi hình 16 kênh	Bộ	15
3.2	Đầu ghi hình 8 kênh	Bộ	15
3.3	Đầu ghi hình 4 kênh	Bộ	29
4	Ổ cứng lưu trữ		
4.1	Ổ cứng lưu trữ 6TB	Cái	26
4.2	Ổ cứng lưu trữ 4TB	Cái	12
4.3	Ổ cứng lưu trữ 3TB	Cái	7
4.4	Ổ cứng lưu trữ 2TB	Cái	23
5	Adapter nguồn cho Camera	Bộ	373
II	Vật tư thi công và nhân công lắp đặt	HT	01
	Switch, dây mạng, đầu RJ45, dây điện, ổ điện, CB, dây quang, converter,...		

3. Đường truyền kết nối:

Stt	Tên đường truyền Internet	Số lượng
1	Kênh 30Mb + 1 IP wan tĩnh	44
2	Kênh 50Mb + 1 IP wan tĩnh	8
3	Kênh 100Mb + 1 IP wan tĩnh	2
Tổng cộng:		54

3. Địa điểm lắp đặt: 54 cơ sở cách ly y tế tập trung tại các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh (danh sách các đơn vị kèm theo).

4. Đơn vị chủ trì thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông Kiên Giang.

5. Dự toán kinh phí: Tổng kinh phí thực hiện là 4.514.738.140 đồng, trong đó:

- Chi phí thiết bị: 3.320.491.900 đồng.

- Vật tư thi công và nhân công lắp đặt: 697.415.500 đồng.

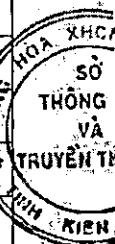
- Chi phí đường truyền: 95.040.000 đồng.

- Chi phí dự phòng:

401.790.740 đồng.

5.1 Dự toán chi tiết thiết bị, vật tư thi công và nhân công lắp đặt

Stt	Tên vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	Chi phí thiết bị				3.320.491.900
1	Camera quan sát ngoài trời	cái	156	8.035.500	1.253.538.000
2	Camera quan sát trong nhà	cái	217	4.096.400	888.918.800
3	Đầu ghi hình				
3.1	Đầu ghi hình 16 kênh	Bộ	15	14.180.100	212.701.500
3.2	Đầu ghi hình 8 kênh	Bộ	15	9.296.100	139.441.500
3.3	Đầu ghi hình 4 kênh	Bộ	29	6.774.900	196.472.100
4	Ổ cứng lưu trữ				
4.1	Ổ cứng lưu trữ 6TB	Cái	26	7.700.000	200.200.000
4.2	Ổ cứng lưu trữ 4TB	Cái	12	4.510.000	54.120.000
4.3	Ổ cứng lưu trữ 3TB	Cái	7	3.520.000	24.640.000
4.4	Ổ cứng lưu trữ 2TB	Cái	23	2.750.000	63.250.000
5	Adapter nguồn cho Camera	Bộ	373	770.000	287.210.000
II	Vật tư thi công và nhân công lắp đặt				697.415.500
1	Dây mạng LAN Cat6	Thùng	28	2.500.000	70.000.000
2	Đầu RJ45	Cái	1051	5.000	5.255.000
3	Switch 16 port TPLink	Bộ	2	1.580.000	3.160.000
4	Switch 8 port TPLink	Bộ	37	680.000	25.160.000
5	Dây điện đôi 2x1.5 cadivi	Mét	7688	10.500	80.724.000
6	Táp lô điện 8x12	Cái	239	12.000	2.868.000
7	Ổ điện 3 lỗ cắm	Cái	347	100.000	34.700.000
8	Ổ cắm Lico 8 lỗ cắm 3m	Cái	66	170.000	11.220.000
9	Dây quang IFO	Mét	12193	2.500	30.482.500
10	Converter 1 sợi	Cái	238	750.000	178.500.000
11	Fast conector	Cái	238	50.000	11.900.000
12	CB điện 10A	Cái	18	65.000	1.170.000
13	CB điện 30A	Cái	7	88.000	616.000 đ
14	Hộp kỹ thuật 20 x 20 x 18	Cái	164	150.000	24.600.000
15	Ốc vít 100 cái/bịch	Gói	42	40.000	1.680.000



16	Tắc kê 3F 100 cái/bịch	Gói	56	120.000	6.720.000
17	Băng keo điện	Cuộn	113	10.000	1.130.000
18	Trụ sắt 4m, phi 49	Cái	11	750.000	8.250.000
19	Nhân công trồng trụ	Cái	11	350.000	3.850.000
20	Dây rút 20cm	Gói	129	20.000	2.580.000
21	Nhân công lắp camera cáp đồng, Cat6	Camera	271	406.000	110.026.000
22	Nhân công lắp camera cáp quang	Camera	102	812.000	82.824.000
Tổng cộng					4.017.907.400
II	Chi phí dự phòng (10% chi phí thiết bị)				401.790.740
TỔNG CỘNG (đã có VAT)					4.419.698.140

5.2 Dự toán phí đường truyền kết nối:

Stt	Tên đường truyền Internet	Số lượng	Đơn giá (01 tháng)	Thành tiền (6 tháng)	Ghi chú
1	Kênh 30Mb + 1 IP wan tĩnh	44	275.000	72.600.000	Thuê đường truyền 6 tháng
2	Kênh 50Mb + 1 IP wan tĩnh	8	330.000	15.840.000	
3	Kênh 100Mb + 1 IP wan tĩnh	2	550.000	6.600.000	
Tổng cộng		54	1.155.000	95.040.000	

6. Nguồn kinh phí: Ngân sách tỉnh phục vụ phòng, chống Covid-19.

7. Hình thức thực hiện: Thực hiện đấu thầu theo quy định của Luật Đấu thầu.

8. Thời gian thực hiện: Tháng 6 năm 2021.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Viễn thông – công nghệ thông tin

- Chủ trì, phối hợp các đơn vị có liên quan khảo sát, tổng hợp nhu cầu, dự toán kinh phí lắp đặt camera tại các cơ sở cách ly tập trung.

- Chủ động liên hệ với đầu mối của Bộ Thông tin và Truyền thông để được hướng dẫn về phương án kỹ thuật nhằm đảm bảo kết nối thông suốt các camera tại các cơ sở cách ly y tế tập trung của tỉnh Kiên Giang với hệ thống giám sát tập trung của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Văn phòng

- Hướng dẫn thực hiện các khoản chi đúng quy định của pháp luật.



- Phối hợp với Phòng Viễn thông - Công nghệ thông tin thực hiện công tác thanh quyết toán theo quy định.

3. Đề nghị Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

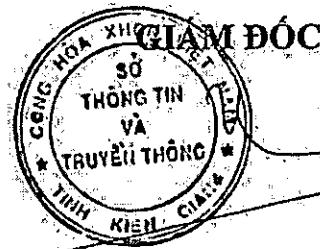
- Phối hợp, chỉ đạo các cơ sở cách ly y tế tập trung phối hợp lắp đặt camera giám sát, đảm bảo việc quản lý, giám sát cả bên trong và bên ngoài xung quanh khu cách ly và tổ chức giám sát liên tục qua hệ thống camera để kịp thời phát hiện các hành vi vi phạm các quy định phòng, chống dịch COVID-19 và có các biện pháp xử lý.

- Thực hiện quản lý, sử dụng, giám sát và khai thác dữ liệu hệ thống camera giám sát tại các cơ sở cách ly y tế tập trung.

Trên đây là Kế hoạch của Sở Thông tin và Truyền thông về việc triển khai lắp đặt hệ thống camera giám sát tại các cơ sở cách ly tập trung trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. / *Tulur*

Nơi nhận:

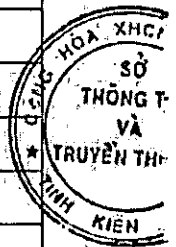
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Sở Y tế, BCHQS tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- Viễn thông Kiên Giang;
- Lưu: VT, VTCNTT, VP.



Sơn
Lâm Văn Sơn

DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ CÁCH LY Y TẾ TẬP TRUNG

STT	Huyện, thành phố	Địa điểm Khu cách ly	Số lượng camera
1	Thành phố Rạch Giá	Khoa nội B (cũ)	15
2	Thành phố Rạch Giá	TTVH phường An Bình	4
3	Thành phố Rạch Giá	TTYT phường Vĩnh Lợi	4
4	Huyện Giồng Riềng	TTVH huyện Giồng Riềng	10
5	Huyện Vĩnh Thuận	Huyện đội cũ	12
6	Huyện Vĩnh Thuận	Trạm y tế thị trấn Vĩnh Thuận	2
7	Huyện Vĩnh Thuận	Trạm y tế xã Vĩnh Thuận	2
8	Huyện Vĩnh Thuận	Trạm y tế xã Tân Thuận	2
9	Huyện Vĩnh Thuận	Trạm y tế xã Phong Đông	4
10	Huyện Vĩnh Thuận	Trạm y tế xã Vĩnh Phong	2
11	Huyện Vĩnh Thuận	Trạm y tế xã Bình Minh	2
12	Huyện Vĩnh Thuận	Trạm y tế xã Vĩnh Bình Bắc	2
13	Huyện Vĩnh Thuận	Trạm y tế xã Vĩnh Bình Nam	2
14	Huyện Châu Thành	Khu cách ly xã Mong Thọ B	7
15	Huyện Châu Thành	Trường đại học Kiên Giang	6
16	Huyện Châu Thành	Trường quân sự tỉnh	8
17	Huyện Châu Thành	Trạm y tế xã Mong Thọ	3
18	Huyện Châu Thành	Trạm y tế xã Mong Thọ A	3
19	Huyện Châu Thành	Trạm y tế xã Mong Thọ B	3
20	Huyện Châu Thành	Trạm y tế xã Thạnh Lộc	3
21	Huyện Châu Thành	Trạm y tế xã Giục Trượng	3
22	Huyện Châu Thành	Trạm y tế xã Vĩnh Hoà Hiệp	3
23	Huyện Châu Thành	Trạm y tế xã Vĩnh Hoà Phú	3
24	Huyện Châu Thành	Trạm y tế xã Bình An	3
25	Huyện Châu Thành	Trạm y tế xã Minh Hoà	3
26	Huyện Châu Thành	Trạm y tế thị trấn Minh Lương	3
27	Huyện Châu Thành	TTYT huyện Châu Thành (khu điều trị)	5
28	Huyện Tân Hiệp	TTYT huyện Tân Hiệp	2
29	Huyện Tân Hiệp	Trường trung cấp nghề	6



30	Huyện Gò Quao	TTYT dự phòng	4
31	Huyện Gò Quao	Trung tâm bồi dưỡng chính trị	8
32	Huyện An Biên	Khu cách ly nhà thi đấu An Biên	13
33	Huyện An Biên	Khu cách ly TTYT An Biên	3
34	Huyện An Minh	Khu cách ly Huyện Đội cũ	20
35	Huyện U Minh Thượng	Trường tiểu học An Minh Bắc	5
36	Huyện U Minh Thượng	Trường Trung cấp nghề	6
37	Thành phố Phú Quốc	Khu D860 cũ	10
38	Thành phố Phú Quốc	Khu cách ly Pháo 37	10
39	Thành phố Phú Quốc	Bệnh viện đa khoa Phú Quốc	35
40	Huyện Kiên Lương	Trường Chính Trị Huyện	5
41	Huyện Kiên Lương	Nhà Thiếu Nhi Huyện	11
42	Thành phố Hà Tiên	TTYT Hà Tiên (Khu điều trị)	9
43	Thành phố Hà Tiên	Trường Chính Trị Hà Tiên	9
44	Thành phố Hà Tiên	TTVH Mỹ Đức (Khu cách ly Bệnh viện dã chiến)	18
45	Thành phố Hà Tiên	Khu huấn luyện Pháo Đài	18
46	Thành phố Hà Tiên	Trường Dân tộc nội trú	15
47	Thành phố Hà Tiên	Khu Hải Quan	6
48	Huyện Giang Thành	Đại Đội Bộ Binh 6	5
49	Huyện Kiên Hải	Hòn Tre	8
50	Huyện Kiên Hải	TTVH xã Lại Sơn (Khu cách ly + khu điều trị)	8
51	Huyện Kiên Hải	TYT xã An Sơn (Khu điều trị)	4
52	Huyện Kiên Hải	Trường Cấp 2 An Sơn (Khu cách ly)	8
53	Huyện Kiên Hải	Trường THCS Nam Du (khu cách ly)	6
54	Huyện Kiên Hải	TYT Nam Du (khu Điều trị)	2
Tổng cộng			373